

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20/11/2017

*“V/v Ly hôn giữa ông Đ và bà
L”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương

Bà Lê Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST-HN, ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1988 ông và bà Phạm Thị L qua mai mối và xác lập quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống ông và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 đã thành niên và có gia đình riêng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm, ứng xử giao tiếp và lối sống, đôi lúc ông đi uống rượu bà L thường ghen vô cớ giữa vợ chồng đã xảy ra cãi vã và ông bỏ nhà đi từ tháng 9

năm 2017 đến nay nên tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về nuôi con: Tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 đã thành niên đã có gia đình không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về thời gian kết hôn, về con chung như ông Đ trình bày là đúng. Về tài sản chung vợ chồng bà không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không có.

Mâu thuẫn giữa bà và ông Đ phát sinh chủ yếu về mặt tình cảm, ứng xử giao tiếp và lối sống, nguyên nhân trước đây khi còn chung sống với nhau rất hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 ông Đ thường đi uống rượu nên bà có ghen dần đến vợ chồng có cãi vã nhau, tháng 9 năm 2017 ông Đ đã bỏ nhà đi cho đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, về tài sản chung của vợ chồng bà không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Đ và bà L là vợ chồng, về con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 đã thành niên và có gia đình riêng, về tài sản chung do ông Đ và bà L không khởi kiện, về nợ chung không có nên không xem xét, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn bà Phạm Thị L có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện xin ly hôn với bà Phạm Thị L nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông Đ và bà L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, nhưng đến nay ông Đ và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017 ly thân cho đến nay, ông Đ cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về cách ứng xử giao tiếp và lối sống không hợp nhau, ông Đ thừa nhận ông có đi uống rượu bà L ghen tuông dẫn đến cãi vã thường xuyên, sống không có hạnh phúc, vợ chồng luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà L. Tại các bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ đi uống rượu vợ chồng luôn bất đồng mọi ý kiến về quan điểm đời sống, cãi vã thường xuyên, về tình cảm vợ chồng không tin tưởng nhau và đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 ông Đ và bà L không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Mặt khác khi xác lập quan hệ hôn nhân, ông Đ và bà L có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng ông Đ và bà L không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà L phía bà L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ, nghĩ nên tuyên bố không công nhận ông Đ và bà L là vợ chồng, là đúng quy định Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Ông Đ và bà L chung sống có 01 người con chung Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 đã thành niên đã có gia đình, ông Đ và bà L không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đ và bà L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Ông Đ và bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Đ có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 09, 14, 15, 51, 53, 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khoá X. Kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000.

Căn cứ điểm a khoản 05 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L là vợ chồng.

Về nuôi con: Ông Đ và bà L chung sống sinh 01 người con chung Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 đã thành niên đã có gia đình, ông Đ và bà L không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đ và bà L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0010771, ngày 28/9/2017 do ông Đ nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh

